TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN BIÊN** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 17-9-2018
V/v tranh chấp nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Hồng Trang;

2. Bà Trần Thị Bạch Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Trúc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Vịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 417/2018/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1985; cư trú tại: Tổ 09, ấp A, xã H, huyện B, tỉnh T; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1982; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 23, ấp P, xã C, huyện D, tỉnh T; nơi cư trú hiện nay: Tổ 09, ấp A, xã H, huyện B, tỉnh T; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17 tháng 8 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn N tự nguyện chung sống với nhau năm 2011, không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh N thường xuyên đi làm ăn xa nhà, ít có

thời gian quan tâm chăm sóc gia đình nên tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, phai nhạt. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2015, nhưng thỉnh thoảng anh N có về thăm nhà. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn N có 02 con chung tên Nguyễn Gia N1, sinh ngày 17 tháng 01 năm 2015 và Nguyễn Gia V, sinh ngày 15 tháng 02 năm 2018, hiện đang sống cùng với chị. Chị yêu cầu được quyền nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 21 tháng 8 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn N trình bày:

Anh thừa nhận những lời trình bày của chị Nguyễn Thị L về thời gian chung sống, vợ chồng không đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng cũng như thời gian sống ly thân là đúng. Nay chị L yêu cầu ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Anh thống nhất với lời trình bày của chị L về con chung. Anh đồng ý giao 02 con chung cho chị L nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi 02 con đủ 18 tuổi, có khả năng tự lao động và sinh sống được.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Thị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn N; về con chung, chị yêu cầu được quyền nuôi 02 con chung tên Nguyễn Gia N1, sinh ngày 17 tháng 01 năm 2015 và Nguyễn Gia V, sinh ngày 15 tháng 02 năm 2018, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh Nguyễn Văn N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 9, 14, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn N là vợ chồng.

Về nuôi con chung: Giao 02 (hai) con chung tên Nguyễn Gia N1, sinh ngày 17 tháng 01 năm 2015 và Nguyễn Gia V, sinh ngày 15 tháng 02 năm 2018 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ghi nhận anh

Nguyễn Văn N tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 (hai) con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi 02 (hai) con chung thành niên (đủ 18 tuổi), có khả năng tự lao động và sinh sống được.

Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; anh Nguyễn Văn N phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi N1ên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn N là bị đơn trong vụ án, vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị vắng mặt, nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh N.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn N chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2011, có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình, nhưng chị L và anh N không đăng ký kết hôn là vi phạm quy định của pháp luật nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó, nay chị L yêu cầu ly hôn với anh N, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn N.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn N có 02 con chung tên Nguyễn Gia N1, sinh ngày 17 tháng 01 năm 2015 và Nguyễn Gia V, sinh ngày 15 tháng 02 năm 2018, hiện đang sống với chị L. Chị L yêu cầu được quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 02 con chung; không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án, anh N đồng ý giao 02 con chung cho chị L nuôi dưỡng và anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng. Xét thấy, điều này là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên cần ghi nhận.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm; anh Nguyễn Văn N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 9, 14, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn N.

2. Về nuôi con chung: Giao 02 (hai) con chung tên Nguyễn Gia N1, sinh ngày 17 tháng 01 năm 2015 và Nguyễn Gia V, sinh ngày 15 tháng 02 năm 2018 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ghi nhận anh Nguyễn Văn N tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 (hai) con chung mỗi tháng 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng cho đến khi 02 (hai) con chung thành niên (đủ 18 tuổi), có khả năng tự lao động và sinh sống được. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày ngày 17 tháng 9 năm 2018.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, chị Nguyễn Thị L cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở. Anh N không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị L đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tại biên lai thu số 0005557 ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; chị L đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Nguyễn Văn N phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

5. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng Ktr-NV-THA,TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Thúy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Quốc